

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>14 - 43</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>44 - 46</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Béton 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Béton 6 (tiền thân là Công ty Cổ phần Bé tông 620 Châu Thới) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bé tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079 (số cũ 4603000013), đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

#### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 3571617 – 3750650
- Fax : (84-274) 3751628

#### **Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ : Tầng 2 – Tòa nhà Hưng Bình, 406 Ung Văn Khiêm, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84-28) 66826555
- Fax : (84-28) 35106222

#### **Chi nhánh Công ty Cổ phần Béton 6**

- Địa chỉ : Lô C.03, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
- Điện thoại : (84-28) 3873 5000
- Fax : (84-28) 3873 5009

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..);
- Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng;
- Đầu tư thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình;
- Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thương, bê tông tươi và bê tông siêu cường (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải);
- Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất;
- Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu;
- Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TON 6**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2018
Ông Trịnh Thanh Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2009
Ông Sergei Savrukhin	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2017
Ông Châu Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Trần Tiến Đạt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Trần Nữ Quỳnh Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2018
Bà Bùi Thọ Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Bà Phạm Thị Hằng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Bà Phạm Thị Khánh Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018

**Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Sergei Savrukhin	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2018
Ông Từ Chí Mẫn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm 11 tháng 05 năm 2018

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Sergei Savrukhin	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2018 Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm 11 tháng 05 năm 2018

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

004  
 ĐÓN  
 NHẬN  
 TOÁN  
 A &  
 H.T.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Ngọc Dũng  
Chủ tịch

Ngày 23 tháng 10 năm 2018



Số: 1.0019/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bê-ton 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 10 năm 2018, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây với số tiền là 83.041.254.071 VND (xem thuyết minh số V.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) đang được Công ty tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí đã phát sinh. Tuy nhiên chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng chắc chắn chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Công ty số tiền này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền theo sổ sách là 50.532.009.879 VND cũng như số dự phòng cần phải trích lập cho các nợ phải thu quá hạn này.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ đến vấn đề là theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314174864 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B 200.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ bằng hiện vật (tài sản) thuộc quyền sở hữu của Công ty với giá trị còn lại của tài sản góp vốn là 5.698.603.082 VND và theo giá trị định giá lại tại thời điểm góp vốn là 200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ). Tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục để chuyển quyền sở hữu các tài sản góp vốn cho bên nhận vốn góp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>854.051.377.102</b>	<b>877.222.191.119</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.774.806.309</b>	<b>2.694.472.440</b>
1. Tiền	111		3.734.513.388	1.676.828.616
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.040.292.921	1.017.643.824
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>621.410.425.125</b>	<b>644.955.526.898</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	398.601.626.074	423.126.234.474
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	86.623.879.396	86.034.299.707
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	81.589.355.757	81.589.355.757
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	219.336.992.509	218.947.065.571
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(164.741.428.611)	(164.741.428.611)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>227.143.755.036</b>	<b>229.562.725.787</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	230.651.026.426	233.069.997.177
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(3.507.271.390)	(3.507.271.390)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>722.390.632</b>	<b>9.465.994</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	712.924.638	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	9.465.994	9.465.994
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

449  
 ĐĂNG  
 HIỆN  
 AN  
 &  
 T.F



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>364.456.003.415</b>	<b>405.998.646.379</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.361.224.288</b>	<b>3.733.224.288</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.361.224.288	3.733.224.288
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>132.257.182.249</b>	<b>59.275.403.919</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	120.746.639.793	12.658.779.079
- Nguyên giá	222		192.407.410.033	87.974.986.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.660.770.240)	(75.316.207.651)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	11.510.542.456	46.616.624.840
- Nguyên giá	225		14.914.541.702	54.775.901.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.403.999.246)	(8.159.276.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>3.331.278.400</b>	<b>3.331.278.400</b>
- Nguyên giá	231		3.331.278.400	3.331.278.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.993.791.207</b>	<b>120.256.116.741</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	8.993.791.207	120.256.116.741
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>213.115.000.000</b>	<b>212.980.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	212.500.000.000	212.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	2.050.000.000	2.050.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(1.435.000.000)	(1.570.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.397.527.271</b>	<b>6.422.623.031</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8a	5.367.057.271	6.392.153.031
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	30.470.000	30.470.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.218.507.380.517</b>	<b>1.283.220.837.498</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>879.487.638.369</b>	<b>900.934.660.845</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>706.826.170.137</b>	<b>715.257.397.022</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	151.513.034.565	193.639.853.341
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	45.627.263.886	73.728.819.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	17.158.852.118	13.628.802.844
4. Phải trả người lao động	314	V.18	2.467.355.009	2.718.051.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	21.097.394.170	24.764.220.694
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a, c	95.049.834.896	54.440.565.068
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a, c	371.625.525.213	350.011.828.269
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.286.910.280	2.325.256.598
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>172.661.468.232</b>	<b>185.677.263.823</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b, c	167.560.000.000	167.560.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b, c	5.101.468.232	18.117.263.823
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>339.019.742.148</b>	<b>382.286.176.653</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>339.019.742.148</b>	<b>382.286.176.653</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(559.957.325)	(559.957.325)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	72.523.342.462	72.523.342.462
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	(62.879.142.989)	(19.612.708.484)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19.612.708.484)	(19.612.708.484)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(43.266.434.505)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.218.507.380.517</b>	<b>1.283.220.837.498</b>

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2018

  
 Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Người lập

  
 Nguyễn Hà Trang  
 Kế toán trưởng

  
 Sergei Savrunkhin  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	57.762.957.092	313.217.554.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.762.957.092	313.217.554.266
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57.348.003.027	263.348.440.617
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		414.954.065	49.869.113.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	806.558.154	2.022.218.943
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.299.625.535	28.547.760.755
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.216.482.830	27.517.341.504
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	315.579.367	3.085.713.811
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.498.010.525	18.620.752.433
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(39.891.703.208)	1.637.105.593
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	2.733.964.727
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.374.731.297	73.430.600
13. Lợi nhuận khác	40		(3.374.731.297)	2.660.534.127
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.266.434.505)	4.297.639.720
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	859.527.944
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(43.266.434.505)	3.438.111.776
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.315)	104
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(1.315)	104

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2018



Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Người lập



Nguyễn Hà Trang  
Kế toán trưởng



Sergei Savrukhin  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(43.266.434.505)	4.297.639.720
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	4.740.081.968	6.992.985.103
- Các khoản dự phòng	03	V.13	(135.000.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 8	2.126.341.983	(4.676.128.897)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	26.216.482.830	27.517.341.504
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(10.318.527.724)	34.131.837.430
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.887.978.375	34.680.307.265
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.418.970.751	(14.787.769.730)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(55.181.928.098)	9.526.618.990
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		312.171.122	(740.811.419)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.700.288.605)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, 20; VI.4	(1.041.132.243)	(23.478.114.042)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	-	(1.300.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(3.300.000)	(202.250.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(38.626.056.422)</b>	<b>37.829.818.494</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 10, 12	-	(18.299.212.313)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.277.645.453	2.727.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.160.586.648)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	(164.318.448)	(588.981.096)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>12.113.327.005</b>	<b>(22.321.507.330)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a, b	74.015.234.396	335.405.915.660
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a, b	(43.078.117.366)	(346.163.025.673)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21a, b	(2.344.053.744)	(7.704.921.034)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>28.593.063.286</i></u>	<u><i>(18.462.031.047)</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>2.080.333.869</i>	<i>(2.953.719.883)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>2.694.472.440</i>	<i>14.710.272.248</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>4.774.806.309</i></u>	<u><i>11.756.552.365</i></u>

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2018

  
Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Người lập

  
Nguyễn Hà Trang  
Kế toán trưởng

  
  
Sergei Savrukhin  
Tổng Giám đốc

15  
TY  
HỮU  
TU  
C

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Beton 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc,...); sản xuất các loại vật liệu xây dựng; xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; xây dựng các công trình công nghiệp; dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty đầu tư vào các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới	Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn	20,83%	20,83%	20,83%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B	406 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng	44,44%	44,44%	44,44%

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 242 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 420 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, chi phí sửa chữa và chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 tháng).

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa bao gồm: chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nổi trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

#### *Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép*

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 240 tháng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08

#### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	896	832.896
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.734.512.492	1.675.995.720
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	1.040.292.921	1.017.643.824
<b>Cộng</b>	<b><u>4.774.806.309</u></b>	<b><u>2.694.472.440</u></b>

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Phú Lâm có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 880.427.533 VND (số đầu năm là 880.000.707 VND) chỉ có thể giao dịch cho các nghiệp vụ liên quan đến Công trình Cầu Ông Bằng.

#### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.038.965.600</i>	<i>7.538.965.600</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	5.546.715.849	6.046.715.849
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Nghiệp tại Tây Ninh	670.041.556	670.041.556
Công ty Cổ phần Tập đoàn Green (tên cũ là Công ty Cổ phần Thương mại Cung ứng Vật liệu Aurora)	822.208.195	822.208.195
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>391.562.660.474</i>	<i>415.587.268.874</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre	1.531.194.602	1.531.194.602
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu	64.882.114.670	64.882.114.670
Phải thu các khách hàng khác	325.149.351.202	349.173.959.602
<b>Cộng</b>	<b><u>398.601.626.074</u></b>	<b><u>423.126.234.474</u></b>

Các khoản phải thu khách hàng với số tiền là 57.912.483.419 VND và 68.694.407.640 VND đang được thế chấp lần lượt tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.21a)

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>4.243.058.697</i>	<i>2.900.111.378</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB	2.900.111.378	2.900.111.378
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	1.342.947.319	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>82.380.820.699</i>	<i>83.134.188.329</i>
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty Cổ phần Long Hậu	4.413.739.605	8.132.237.878
Các nhà cung cấp khác	22.967.081.094	20.001.950.451
<b>Cộng</b>	<b><u>86.623.879.396</u></b>	<b><u>86.034.299.707</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho bên liên quan vay</i>	<i>17.100.000.000</i>	<i>17.100.000.000</i>
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp vay <sup>(i)</sup>	17.100.000.000	17.100.000.000
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>64.489.355.757</i>	<i>64.489.355.757</i>
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng 620 - Bến Tre mượn	100.000.000	100.000.000
Cho Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu vay <sup>(ii)</sup>	58.866.947.757	58.866.947.757
Cho các tổ chức khác vay	5.522.408.000	5.522.408.000
<b>Cộng</b>	<b>81.589.355.757</b>	<b>81.589.355.757</b>

(i) Cho vay bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,8%/năm, thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH MTV 3D – Long Hậu vay đã được lập dự phòng 100%.

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>9.158.040.709</i>	-	<i>8.467.435.709</i>	-
Ông Nguyễn Ngọc Dũng – tiền tạm ứng	4.852.290.818	-	4.832.290.818	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - lãi vay phải thu	3.497.253.597	-	2.826.648.597	-
Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ Thuật H&B	808.496.294	-	808.496.294	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>210.178.951.800</i>	<i>(31.885.657.694)</i>	<i>210.479.629.862</i>	<i>(31.885.657.694)</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre - vay hộ và cổ tức phải thu	2.196.504.179	(2.196.504.179)	2.196.504.179	(2.196.504.179)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Việt - tiền chuyển theo hợp đồng hợp tác đầu tư	94.590.848.000	-	94.590.848.000	-
Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu - lãi dự thu tiền cho vay	29.689.153.515	(29.689.153.515)	29.689.153.515	(29.689.153.515)
Ông Vũ Đức Lợi - phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Ông Vũ Đức Lợi - phải thu khác cản trở công nợ với Công ty Cổ phần đầu tư VBA	31.700.000.000	-	31.700.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB - phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	1.805.200.000	-	1.805.200.000	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Tạm ứng	7.498.557.151	-	3.583.583.427	-
Phải thu lãi cho vay	494.000.002	-	197.708.333	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.979.933	-	-	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	512.925.040	-	4.086.053.529	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.687.783.980	-	9.630.578.879	-
<b>Cộng</b>	<b>219.336.992.509</b>	<b>(31.885.657.694)</b>	<b>218.947.065.571</b>	<b>(31.885.657.694)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản phải thu khác với số tiền là 1.655.293.243 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.21a)

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Khoản ký quỹ hợp đồng thuê tài chính và các khoản đặt cọc khác.

**6. Nợ quá hạn**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu – phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	50.648.576.999	50.648.576.999	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.497.718.305	10.497.718.305	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	14.233.537.671	14.233.537.671
	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.735.819.366	3.735.819.366	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu – cho vay	Quá hạn trên 3 năm	58.866.947.757		Quá hạn trên - 3 năm	58.866.947.757	-
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu – phải thu lãi cho vay	Quá hạn trên 3 năm	29.689.153.515		Quá hạn trên - 3 năm	29.689.153.515	-
Ông Trần Nguyên Vũ - phải thu chuyển nhượng cổ phần	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	33.012.400.000	33.012.400.000	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	33.012.400.000	33.012.400.000
Ông Vũ Đức Lợi - phải thu tiền chuyển nhượng vốn	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-		Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	25.000.000.000	25.000.000.000
	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.000.000.000	25.000.000.000	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
Ông Vũ Đức Lợi - phải thu khác cản trừ công nợ với Công ty Cổ phần đầu tư VBA	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-		Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	31.700.000.000	31.700.000.000
	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	31.700.000.000	31.700.000.000	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
Phải thu cho vay	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.500.000.000	2.500.000.000	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
Phải thu cho vay	Quá hạn trên 3 năm	3.122.408.000	3.022.408.000	Quá hạn trên 3 năm	3.122.408.000	3.022.408.000
Phải thu khác	Quá hạn trên 3 năm	2.196.504.179		Quá hạn trên - 3 năm	2.196.504.179	-
Phải thu các khách hàng khác về tiền bán hàng	Quá hạn từ dưới 6 tháng đến trên 3 năm	167.789.356.343	93.900.533.183	Quá hạn từ dưới 6 tháng đến trên 3 năm	151.455.374.709	77.566.551.549
<b>Cộng</b>		<b>418.758.884.464</b>	<b>254.017.455.853</b>		<b>349.276.325.831</b>	<b>184.534.897.220</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.527.011.836	(1.192.465.184)	11.531.886.102	(1.192.465.184)
Công cụ, dụng cụ	227.828.620	-	387.093.659	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(i)</sup>	123.274.729.535	-	129.717.716.232	-
Thành phẩm	81.239.040.405	(2.314.806.206)	73.926.238.093	(2.314.806.206)
Hàng hóa	17.382.416.030	-	17.507.063.091	-
<b>Cộng</b>	<b>230.651.026.426</b>	<b>(3.507.271.390)</b>	<b>233.069.997.177</b>	<b>(3.507.271.390)</b>

(i) Trong đó, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây với số tiền là 83.041.254.071 VND đang được Công ty tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đã phát sinh.

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là tiền thuê đất trả trước còn phải phân bổ.

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1.769.308.466	2.507.248.796
Chi phí chuyên giao công nghệ bê tông cốt thép	3.313.170.000	3.418.350.000
Chi phí bảo hiểm	284.578.805	466.554.235
<b>Cộng</b>	<b>5.367.057.271</b>	<b>6.392.153.031</b>

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	2.771.403.716	65.815.503.679	16.293.021.254	3.095.058.081	87.974.986.730
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	111.262.325.534	-	-	-	111.262.325.534
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.877.485.909)	(4.952.416.322)	-	(6.829.902.231)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>114.033.729.250</b>	<b>63.938.017.770</b>	<b>11.340.604.932</b>	<b>3.095.058.081</b>	<b>192.407.410.033</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	777.087.681	37.146.385.222	9.444.538.568	3.057.058.081	50.425.069.552
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	2.099.671.274	54.686.312.408	15.450.999.232	3.079.224.737	75.316.207.651
Khấu hao trong kỳ	395.074.421	1.867.194.537	109.567.298	3.166.663	2.375.002.919
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	35.046.318	-	-	-	35.046.318
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.197.485.909)	(4.868.000.739)	-	(6.065.486.648)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.529.792.013</b>	<b>55.356.021.036</b>	<b>10.692.565.791</b>	<b>3.082.391.400</b>	<b>71.660.770.240</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	671.732.442	11.129.191.271	842.022.022	15.833.344	12.658.779.079
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>111.503.937.237</b>	<b>8.581.996.734</b>	<b>648.039.141</b>	<b>12.666.681</b>	<b>120.746.639.793</b>
<b>Trong đó:</b>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình là xe ô tô Ford biển kiểm soát 61C-214.70 có giá trị còn lại theo sổ sách là 468.091.156 VND và máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.825.065.267 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay lần lượt của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21b).

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	2.498.685.762	52.277.215.940	54.775.901.702
Bán tài sản cố định thuê tài chính	-	(6.239.800.000)	(6.239.800.000)
Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(33.621.560.000)	(33.621.560.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.498.685.762</b>	<b>12.415.855.940</b>	<b>14.914.541.702</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	401.369.535	7.757.907.327	8.159.276.862
Khấu hao trong kỳ	217.811.433	2.147.267.616	2.365.079.049
Bán tài sản cố định thuê tài chính	-	(1.039.966.667)	(1.039.966.667)
Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(6.080.389.998)	(6.080.389.998)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>619.180.968</b>	<b>2.784.818.278</b>	<b>3.403.999.246</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.097.316.227	44.519.308.613	46.616.624.840
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.879.504.794</b>	<b>9.631.037.662</b>	<b>11.510.542.456</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

#### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Hạng mục mở rộng sân bãi	8.586.545.434	-	-	8.586.545.434
Hạng mục dự án nhà Châu Thới	407.245.773	-	-	407.245.773
Hạng mục nhà xưởng Segment	62.728.083.658	-	(62.728.083.658)	-
Hạng mục xây dựng sân đúc và bãi chứa sản phẩm C6+C7	34.350.437.185	-	(34.350.437.185)	-
Hạng mục công trình C1-C4	14.183.804.691	-	(14.183.804.691)	-
<b>Cộng</b>	<b>120.256.116.741</b>	<b>-</b>	<b>(111.262.325.534)</b>	<b>8.993.791.207</b>

### 13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới <sup>(i)</sup>	212.500.000.000	-	-	212.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B <sup>(ii)</sup>	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng công trình (Tranimexco)	2.050.000.000	(1.435.000.000)	615.000.000	2.050.000.000	(1.570.000.000)	480.000.000
<b>Cộng</b>	<b>214.550.000.000</b>	<b>(1.435.000.000)</b>	<b>615.000.000</b>	<b>214.550.000.000</b>	<b>(1.570.000.000)</b>	<b>480.000.000</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500419552, thay đổi lần 09 ngày 18 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ. Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư này cho bà Trương Thanh Thúy và đã nhận được khoản tiền ứng trước (xem thuyết minh V.20a).

(ii) Theo thỏa thuận cổ đông sáng lập ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314174864 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B 200.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ bằng hiện vật (tài sản) thuộc quyền sở hữu của Công ty theo giá trị định giá tại thời điểm ký Biên bản là 200.000.000.000 VND.

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.570.000.000	1.570.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(135.000.000)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.435.000.000</b>	<b>1.570.000.000</b>

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&amp;B</b>		
Mua dịch vụ quản lý, thuê văn phòng	254.968.962	2.600.357.858

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

#### 14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chi phí phải trả. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	131.431.500
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(100.961.500)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>30.470.000</b>

#### 14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 156.629.477.234 VND.

(i) Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2017	139.579.525.559
6 tháng đầu năm 2018	17.049.951.675
<b>Cộng</b>	<b>156.629.477.234</b>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>2.417.222.475</b>	<b>1.627.415.531</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B	2.417.222.475	1.627.415.531
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>149.095.812.090</b>	<b>192.012.437.810</b>
Các nhà cung cấp khác	149.095.812.090	192.012.437.810
<b>Cộng</b>	<b>151.513.034.565</b>	<b>193.639.853.341</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<b>9.669.837.270</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	9.669.837.270	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>35.957.426.616</b>	<b>73.728.819.071</b>
Tổng công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án		
Hạ tầng Giao thông Cửu Long	4.299.460.117	4.299.460.117
Ban Quản Lý Dự Án Nâng cấp Đô thị Thành phố Cao Lãnh	4.996.646.467	4.996.646.467
Công ty Italia-Thai Development Public Company Limited	-	28.610.962.774
Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	-	4.467.154.861
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	-	8.242.362.000
Trả trước của các khách hàng khác	26.661.320.032	23.112.232.852
<b>Cộng</b>	<b><u>45.627.263.886</u></b>	<b><u>73.728.819.071</u></b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.694.085.058	-	4.099.343.862	(2.000.000.000)	12.793.428.920	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	174.987.984	(174.987.984)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.326.300	187.487.126	(187.487.126)	-	1.326.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.139.694	-	-	-	8.139.694
Thuế thu nhập cá nhân	1.508.868.504	-	447.325.521	(442.469.391)	1.513.724.634	-
Tiền thuê đất	1.425.849.282	-	1.425.849.282	-	2.851.698.564	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>13.628.802.844</u></b>	<b><u>9.465.994</u></b>	<b><u>6.337.993.775</u></b>	<b><u>(2.807.944.501)</u></b>	<b><u>17.158.852.118</u></b>	<b><u>9.465.994</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thi công công trình cho các dự án ODA Không chịu thuế
- Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển 10%
- Hàng hóa khác 05% - 10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(43.266.434.505)	4.297.639.720
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	26.216.482.830	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(17.049.951.675)	4.297.639.720
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(17.049.951.675)	4.297.639.720
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>859.527.944</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Tiền thuê đất*

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 221.577,20 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với mức 6.435 VND/m<sup>2</sup>.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>522.328.900</b>	<b>1.043.675.582</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp – chi phí lãi vay	-	697.289.016
Công ty Cổ phần Thương mại Cung ứng Vật liệu Aurora – chi phí lãi vay	-	164.315.333
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB – chi phí lãi vay	182.071.233	182.071.233
Công ty Cổ phần Xây Dựng & Kỹ Thuật H&B – chi phí lãi vay	340.257.667	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>20.575.065.270</b>	<b>23.720.545.112</b>
Chi phí lãi vay	137.475.000	78.650.000
Chi phí công trình	16.267.166.270	18.996.029.653
Chi phí thuê nhà xưởng	4.000.000.000	4.000.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	170.424.000	645.865.459
<b>Cộng</b>	<b>21.097.394.170</b>	<b>24.764.220.694</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 20. Phải trả ngắn hạn khác

#### 20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>2.664.569.682</b>	<b>76.907.552</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB – chi phí lãi vay	39.433.333	39.433.333
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp – chi phí lãi vay	697.289.016	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp – phải trả tiền mua vật liệu	-	37.474.219
Công ty Cổ phần Tập đoàn Green (Tên cũ là Công ty Cổ phần Thương mại Cung ứng Vật liệu Aurora) - chi phí lãi vay	164.315.333	-
Ông Trịnh Thanh Huy – tiền mượn	1.133.000.000	-
Sergei Savrukhin – tiền mượn	630.532.000	-
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>92.385.265.214</b>	<b>54.363.657.516</b>
Kinh phí công đoàn	492.150.889	668.328.237
Bảo hiểm xã hội	71.972.814	3.715.058.573
Bảo hiểm y tế	14.873.380	78.625.203
Bảo hiểm thất nghiệp	233.429	38.121.614
Cổ tức phải trả	272.532.512	272.532.512
Liên danh Pумыang Construction – Sungjee Construction - tạm nhập kho nguyên vật liệu	1.220.417.009	1.220.417.009
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao - tạm nhập cọc ống	4.807.961.757	4.807.961.757
Công ty Italia – Thai Development Public Company Limited – tạm nhập nguyên vật liệu	14.547.366.200	-
Trương Thanh Thúy – Phải trả tiền mua Cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới	10.000.000.000	5.930.900.000
Lãi vay phải trả ngân hàng	37.208.594.459	12.432.326.539
Tiền mượn cá nhân	18.465.378.920	18.871.378.920
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.283.783.845	6.328.007.152
<b>Cộng</b>	<b>95.049.834.896</b>	<b>54.440.565.068</b>

#### 20b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền hợp tác đầu tư phải trả Công ty Cổ phần xây dựng Công nghiệp để hợp tác đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Bê tông đúc sẵn đặt tại xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký kết vào tháng 6 năm 2017 với thời hạn hợp tác đầu tư là 20 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Theo hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp được hưởng lợi nhuận cố định mỗi năm là 21.000.000.000 VND từ năm 2018 và khoản lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp 70%, Công ty Cổ phần Bê tông 6 30%.

#### 20c. Phải trả khác quá hạn chưa thanh toán

Công ty có khoản lãi vay phải trả ngân hàng với số tiền 37.208.594.459 VND (số đầu năm 12.432.326.539 VND) đã quá hạn thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 21. Vay và nợ thuê tài chính

#### 21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b>5.225.200.000</b>	-
Vay Công ty Cổ phần xây dựng và Kỹ Thuật H&B <sup>(i)</sup>	5.191.000.000	-
Ông Sergei Savrukhin <sup>(ii)</sup>	34.200.000	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<b>366.400.325.213</b>	<b>350.011.828.269</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	360.538.342.722	332.916.274.672
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	202.581.807.168	180.200.342.667
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam <sup>(iv)</sup>	63.197.934.721	63.397.934.721
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(v)</sup>	64.785.415.716	65.285.415.716
Ngân hàng TMCP Quốc Dân <sup>(vi)</sup>	29.973.185.117	24.032.581.568
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.300.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH New Equipment	800.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	151.312.000	151.344.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	3.410.670.491	15.444.209.597
<b>Cộng</b>	<b>371.625.525.213</b>	<b>350.011.828.269</b>

- (i) Khoản vay tín chấp Công ty Cổ phần xây dựng và Kỹ Thuật HB để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay tín chấp Ông Sergei Savrukhin để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp, có thể chấp bổ sung quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11) và quyền đòi nợ các khoản phải thu (xem thuyết minh số V.2).
- (iv) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất quy định cho từng lần nhận nợ thời hạn vay không quá 12 tháng.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động khoản vay được thế chấp bằng quyền đòi nợ các khoản phải thu (xem thuyết minh V.2) và tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).
- (vi) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Quốc Dân để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công cung ứng sản phẩm với lãi suất quy định cho từng lần nhận nợ thời hạn vay không quá 09 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Trả lại tài sản thuê tài chính	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	10.425.200.000	-	(5.200.000.000)	-	5.225.200.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB Ông Sergei Savrukhin</i>	-	9.391.000.000	-	(4.200.000.000)	-	5.191.000.000
		1.034.200.000	-	(1.000.000.000)	-	34.200.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	332.916.274.672	62.790.034.396	-	(35.167.966.346)	-	360.538.342.722
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.500.000.000	800.000.000	-	-	-	2.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	151.344.000	-	75.640.000	(75.640.000)	-	151.344.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	15.444.209.597	-	1.557.834.742	(2.634.479.020)	(10.956.894.828)	3.410.670.491
<b>Cộng</b>	<b>350.011.828.269</b>	<b>74.015.234.396</b>	<b>1.633.474.742</b>	<b>(43.078.117.366)</b>	<b>(10.956.894.828)</b>	<b>371.625.525.213</b>

### 21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(i)</sup>	-	75.640.000
Nợ thuê tài chính	5.101.468.232	18.041.623.823
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu<sup>(ii)</sup></i>	512.809.399	3.787.647.909
<i>Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam<sup>(iii)</sup></i>	4.304.147.773	5.313.680.001
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease<sup>(iv)</sup></i>	114.723.817	6.143.476.206
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	-	2.287.458.000
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM<sup>(v)</sup></i>	169.787.243	509.361.707
<b>Cộng</b>	<b>5.101.468.232</b>	<b>18.117.263.823</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo Hợp đồng vay số 138216/HĐTD-TD/H/DN ngày 15 tháng 6 năm 2016 để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô Ford mang biển kiểm soát 61C – 214.70 (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Vay theo Hợp đồng thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu thuê mua máy căng lực, máy dập thép PC Bar, máy cắt thép PC Bar tự động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 4 năm 2017.
- (iii) Vay theo các Hợp đồng thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam:
- Để thuê mua somi romoóc tải với lãi suất 8,62%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 7 năm 2016.
  - Để thuê mua máy xúc với lãi suất 8,15%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 10 năm 2016.
  - Để thuê mua xe cẩu Sany 80 tấn với lãi suất 8,25%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2017.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Vay theo các Hợp đồng thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để thuê máy cắt sắt với lãi suất 8,2%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 12 năm 2016.
- (vi) Vay theo Hợp đồng thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để thuê mua 2 xe đầu kéo HUYNDAI HD700 với lãi suất do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2,8%/năm, thời hạn vay 32 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng		151.344.000	-
Nợ thuê tài chính (bao gồm lãi)	9.592.531.554	4.008.809.884	5.583.721.670
<b>Cộng</b>	<b>9.743.875.554</b>	<b>4.160.153.884</b>	<b>5.583.721.670</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	226.984.000	151.344.000	75.640.000
Nợ thuê tài chính (bao gồm lãi)	37.595.619.109	17.991.203.093	19.604.416.016
<b>Cộng</b>	<b>37.822.603.109</b>	<b>18.142.547.093</b>	<b>19.680.056.016</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Trả lại tài sản thuê tài chính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	75.640.000	-	(75.640.000)	-	-
Nợ thuê tài chính	18.041.623.823	(2.344.053.744)	(1.557.834.742)	(9.038.267.105)	5.101.468.232
<b>Cộng</b>	<b>18.117.263.823</b>	<b>(2.344.053.744)</b>	<b>(1.633.474.742)</b>	<b>(9.038.267.105)</b>	<b>5.101.468.232</b>

### 21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty có các khoản nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu để mua tài sản cố định	-	-	-	219.420.720	67.168.644	286.589.364
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua tài sản cố định	181.809.534	42.137.101	223.946.634	1.784.723.813	298.006.678	2.082.730.492

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để mua tài sản cố định	-	-	-	683.333.333	118.490.000	801.823.333
<b>Cộng</b>	<b>181.809.534</b>	<b>42.137.101</b>	<b>223.946.634</b>	<b>2.687.477.866</b>	<b>483.665.322</b>	<b>3.171.143.189</b>

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm		Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	Số đầu năm			
Quỹ khen thưởng	886.350.519	-	-	-	886.350.519
Quỹ phúc lợi	19.981.325	-	-	-	19.981.325
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	540.989.041	-	-	(35.046.318)	505.942.723
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	877.935.713	(3.300.000)	-	-	874.635.713
<b>Cộng</b>	<b>2.325.256.598</b>	<b>(3.300.000)</b>	<b>(3.300.000)</b>	<b>(35.046.318)</b>	<b>2.286.910.280</b>

**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Cổ phiếu quỹ	Cổ phiếu quỹ			
Số dư đầu năm trước	329.935.500.000	(559.957.325)	72.523.342.462	119.736.572.362	521.635.457.499
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	3.438.111.776	3.438.111.776
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>329.935.500.000</b>	<b>(559.957.325)</b>	<b>72.523.342.462</b>	<b>123.174.684.138</b>	<b>525.073.569.275</b>
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	(559.957.325)	72.523.342.462	(19.612.708.484)	382.286.176.653
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(43.266.434.505)	(43.266.434.505)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>329.935.500.000</b>	<b>(559.957.325)</b>	<b>72.523.342.462</b>	<b>(62.879.142.989)</b>	<b>339.019.742.148</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 23b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	88.040	88.040
- Cổ phiếu phổ thông	88.040	88.040
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.905.510	32.905.510
- Cổ phiếu phổ thông	32.905.510	32.905.510
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

#### 24a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 595,51 USD (số đầu năm là 621.91 USD).

#### 24b. Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty có các khoản nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 8.816.109.801 VND (số đầu năm là 8.816.109.801 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây dựng	7.493.056.364	94.568.429.537
Doanh thu sản phẩm bê tông	45.241.292.449	149.387.679.833
Doanh thu khác	5.028.608.279	69.261.444.896
<b>Cộng</b>	<b><u>57.762.957.092</u></b>	<b><u>313.217.554.266</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây dựng	7.305.001.609	80.155.445.008
Giá vốn của sản phẩm bê tông	45.298.598.158	123.869.624.223
Giá vốn khác	4.744.403.260	59.323.371.386
<b>Cộng</b>	<b><u>57.348.003.027</u></b>	<b><u>263.348.440.617</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	37.911.487	145.361.139
Lãi tiền cho vay	768.646.667	1.650.495.031
Cổ tức được chia	-	153.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	73.362.773
<b>Cộng</b>	<b>806.558.154</b>	<b>2.022.218.943</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	26.216.482.830	27.517.341.504
Lãi mua hàng trả chậm	218.142.705	1.014.980.513
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào đơn vị khác	(135.000.000)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	15.438.738
<b>Cộng</b>	<b>26.299.625.535</b>	<b>28.547.760.755</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	310.723.367	2.906.846.891
Các chi phí khác	4.856.000	178.866.920
<b>Cộng</b>	<b>315.579.367</b>	<b>3.085.713.811</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.735.729.158	6.631.255.262
Chi phí vật liệu quản lý	134.492.281	458.063.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.166.668	6.324.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.467.021	140.813.115
Chi trợ cấp thôi việc	4.440.746.720	-
Các chi phí khác	5.075.408.677	11.384.296.121
<b>Cộng</b>	<b>14.498.010.525</b>	<b>18.620.752.433</b>

#### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.727.272.727
Chiết khấu mua hàng	-	6.692.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.733.964.727</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2.932.900.137	-
Lãi phạt nộp chậm BHXH	86.904.325	73.382.200
Các khoản chi phí khác	354.926.835	48.400
<b>Cộng</b>	<b>3.374.731.297</b>	<b>73.430.600</b>

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông	(43.266.434.505)	3.438.111.776
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(43.266.434.505)	3.438.111.776
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	32.905.510	32.905.510
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.315)</b>	<b>104</b>

##### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.094.553.204	114.744.820.555
Chi phí nhân công	16.630.806.670	45.680.377.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.740.081.968	6.992.985.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.132.735	1.192.340.081
Chi phí khác	20.225.548.770	70.608.601.814
<b>Cộng</b>	<b>71.023.123.347</b>	<b>239.219.125.283</b>

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Lãi cho vay	-	1.163.461.667
Cho mượn	1.133.000.000	-
Tạm ứng	20.000.000	-
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Cho mượn	630.532.000	-
Cho vay	1.034.200.000	-
Tạm ứng	115.842.197	681.987.456

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	925.260.922	1.798.856.000
Thù lao được hưởng	-	140.000.000
Tiền thưởng	-	220.574.952
<b>Cộng</b>	<b>925.260.922</b>	<b>2.159.430.952</b>

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần tập đoàn Green (tên cũ là Công ty Cổ phần Thương mại Cung ứng Vật liệu Aurora)	Công ty có cùng thành viên hội đồng quản trị

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.13, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp</i></b>		
Lãi cho vay	670.605.000	-
Tạm ứng thực hiện công trình	9.669.837.270	-
Doanh thu thi công công trình	-	388.991.697
Chi phí thầu phụ	-	324.738.532
Bán vật tư	-	213.108.367
Mua vật tư	-	2.961.917.934
Cho vay	-	7.306.483.318
Chi phí lãi vay	-	12.160.586.648
Vay	-	416.332.800
		11.250.000.000
<b><i>Công ty Cổ Phần Tập đoàn Green (tên cũ là Công ty Cổ phần Thương mại Cung ứng Vật liệu Aurora)</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	-	25.384.265.679
Bán vật tư	-	16.911.668.246
Chi phí lãi vay	-	483.122.033
Vay	-	20.220.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Xây Dựng &amp; Kỹ Thuật H&amp;B</i></b>	-	
Chi phí lãi vay	340.257.667	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5a, V.15, V.16, V.19, V.20a, V20.b và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, dầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: bán vật tư, dịch vụ lao phông và vận chuyển.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bản cân đối kế toán năm trước đã được điều chỉnh trình bày khoản công nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (xem thuyết minh V.20b) sang dài hạn.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:


	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Nợ ngắn hạn	300	736.257.397.022	(21.000.000.000)	715.257.397.022
Phải trả ngắn hạn khác	310	75.440.565.068	(21.000.000.000)	54.440.565.068
Nợ dài hạn	330	164.677.263.823	21.000.000.000	185.677.263.823
Phải trả dài hạn khác	337	146.560.000.000	21.000.000.000	167.560.000.000

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2018

  
Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Người lập

  
Nguyễn Hà Trang  
Kế toán trưởng

  
Sergei Savrukhin  
Tổng Giám đốc

  
M.S.D.N: 3700364079-C.T.C.P  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6  
T.X. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1&77 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ này</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.493.056.364	45.241.292.449	5.028.608.279	-	57.762.957.092
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.493.056.364</b>	<b>45.241.292.449</b>	<b>5.028.608.279</b>	-	<b>57.762.957.092</b>
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	188.054.755	(372.885.076)	284.205.019	-	99.374.698
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(14.498.010.525)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(14.398.635.827)
Doanh thu hoạt động tài chính					806.558.154
Chi phí tài chính					(26.299.625.535)
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					(3.374.731.297)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>(43.266.434.505)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	-	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	-	4.736.915.300	3.166.668	-	4.740.081.968
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	(135.000.000)	-	(135.000.000)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây dựng</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	94.568.429.537	149.387.679.833	69.261.444.896	-	313.217.554.266
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>94.568.429.537</b>	<b>149.387.679.833</b>	<b>69.261.444.896</b>	<b>-</b>	<b>313.217.554.266</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.412.984.529	25.518.055.610	9.938.073.510	-	49.869.113.649
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(21.706.466.244)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					28.162.647.405
Doanh thu hoạt động tài chính					2.022.218.943
Chi phí tài chính					(28.547.760.755)
Thu nhập khác					2.733.964.727
Chi phí khác					(73.430.600)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(859.527.944)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>3.438.111.776</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>20.241.396.804</b>	<b>6.788.100</b>	<b>-</b>	<b>20.248.184.904</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.649.634.753</b>	<b>4.809.513.136</b>	<b>1.468.824.666</b>	<b>-</b>	<b>7.927.972.555</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	250.877.443.236	223.798.249.200	30.027.144.476	-	504.702.836.912
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	131.740.929.458	516.252.791	-	132.257.182.249
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					581.682.869.457
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.218.642.888.618</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61.431.097.581	53.426.557.726	161.515.229.553	-	276.372.884.860
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					603.250.261.610
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>879.623.146.470</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	264.292.626.035	340.410.685.348	38.493.719.707	-	643.197.031.090
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9.991.752.098	48.743.436.038	540.215.779	-	59.275.403.915
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					580.748.402.493
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.283.220.837.498</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	98.711.266.577	84.332.497.444	12.182.376.177	-	195.226.140.198
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					705.708.520.647
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>900.934.660.845</b>

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2018



*Nguyễn Hà Trang*

Nguyễn Hà Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Người lập